

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	CHỈ TIÊU (m ² /người)	TỶ LỆ (%)
I	ĐẤT DÂN DỤNG	276,60	106,38	100,0
	ĐẤT Ở	177,09	68,11	64,82
	ĐẤT DÂN CƯ HIỆN HỮU GIỮ LAI CHÍNH TRANG (ỔN ĐỊNH)	103,81		
	ĐẤT DÂN CƯ CHÍNH TRANG KẾT HỢP XÂY MỞI	43,24		
	ĐẤT DÂN CƯ XÂY DỰNG MỚI	30,04		
2	ĐẤT CÔNG	20,28	7,80	7,33
	TRƯỜNG MẦM GIÁO (2 TRƯỜNG)	1,33		
	TRƯỜNG TIỂU HỌC (6 TRƯỜNG)	5,44		
	TRƯỜNG CẤP 2 (1 TRƯỜNG)	0,79		
	TRƯỜNG CẤP 3 (2 TRƯỜNG)	3,57		
	TRƯỜNG ĐẠY NGHỀ	1,34		
	ĐẤT HÀNH CHÁNH (THị TRẤN)	0,67		
	ĐẤT VĂN HÓA	1,30		
	ĐẤT Y TẾ	3,93		
	CHỢ - TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI	1,91		
3	ĐẤT CÂY XANH- TDTT	34,00	13,08	12,29
	ĐẤT CỎ CÔNG VIÊN TẬP TRUNG	21,41		
	ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY	4,22		
	ĐẤT CÔNG TRÌNH TDTT	3,95		
	MẶT NƯỚC	4,42		
4	ĐẤT GIAO THÔNG - BẾN XE	45,23	17,40	16,35
	ĐẤT BẾN XE	1,11		
	ĐẤT GIAO THÔNG	44,12		
II	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	38,00		
	TÔN GIÁO	3,94		
	ĐẤT CÁC CƠ QUAN KINH TẾ	0,47		
	ĐẤT CÔNG NGHIỆP	24,54		
	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG CẤP HUYỆN	9,05		
	TỔNG CỘNG	314,60		

TRƯỜNG DẠY NGHỀ
MẪU GIÁO
TRƯỜNG CẤP 1
TRƯỜNG CẤP 2
TRƯỜNG CẤP 3
CHỢ - TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
CƠ SỞ Y TẾ
VĂN HÓA
TRƯỜNG DẠY NGHỀ
CƠ QUAN KINH TẾ
BẾN ĐÓ XE
BẾN XE
HÀNH CHÍNH THỊ TRẤN
CÔNG NGHIỆP
TÔN GIÁO
THỂ DỤC THỂ THAO
KHU PHỐ

VỊ TRÍ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG –
SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2015

[illegible]

THÔNG TIN CHI TIẾT CHỖ XANH - TỐT		
0 ỚC XANH	ĐIỂM TÍCH	LOẠI HÌNH CHỖ XANH
Cx1	3,4	CHỖ XANH VƯỜN SÔNG
Cx2	2,59	CHỖ XANH VƯỜN SÔNG
Cx3	0,03	CHỖ XANH VƯỜN SÔNG
Cx4	1,21	CHỖ XANH VƯỜN SÔNG
Cx5	4,22	CHỖ XANH CÁCH LY
Cx6	0,03	CHỖ XANH CỘNG VƯỜN TẬP TRUNG
Cx7	4,43	CHỖ XANH CỘNG VƯỜN TẬP TRUNG
Cx8	1,84	CHỖ XANH CỘNG VƯỜN TẬP TRUNG
Cx9	0,03	CHỖ XANH CỘNG VƯỜN TẬP TRUNG
Cx11	4,33	CHỖ XANH CỘNG VƯỜN TẬP TRUNG
	9,95	BÁT ĐƯỢC THEO THỎ
TỔNG CỘNG	29,98	

THÔNG TIN CÁC TIẾC CỎ CỎ (Số, Thông tin chi tiết, chi phí)		
0 ỚC XANH	CẤP ĐỘ CỎ CỎ	CHI PHÍ
Cx1	3,4	0,03
Cx2	2,59	0,03
Cx3	0,03	0,03
Cx4	1,16	0,03
Cx5	1,08	0,03
Cx6	1,08	0,03
Cx7	1,08	0,03
Cx8	1,08	0,03
Cx9	1,08	0,03
Cx10	1,08	0,03
Cx11	1,08	0,03
Cx12	1,08	0,03
Cx13	1,08	0,03
Cx14	1,08	0,03
Cx15	1,08	0,03
Cx16	1,08	0,03
Cx17	1,08	0,03
Cx18	1,08	0,03
Cx19	1,08	0,03
Cx20	1,08	0,03
Cx21	1,08	0,03
Cx22	1,08	0,03
Cx23	1,08	0,03
Cx24	1,08	0,03
Cx25	1,08	0,03
Cx26	1,08	0,03
Cx27	1,08	0,03
Cx28	1,08	0,03
Cx29	1,08	0,03
Cx30	1,08	0,03
Cx31	1,08	0,03
Cx32	1,08	0,03
Cx33	1,08	0,03
Cx34	1,08	0,03
Cx35	1,08	0,03
Cx36	1,08	0,03
Cx37	1,08	0,03
Cx38	1,08	0,03
Cx39	1,08	0,03
Cx40	1,08	0,03
Cx41	1,08	0,03
Cx42	1,08	0,03
Cx43	1,08	0,03
Cx44	1,08	0,03
Cx45	1,08	0,03
Cx46	1,08	0,03
Cx47	1,08	0,03
Cx48	1,08	0,03
Cx49	1,08	0,03
Cx50	1,08	0,03
Cx51	1,08	0,03
Cx52	1,08	0,03
Cx53	1,08	0,03
Cx54	1,08	0,03
Cx55	1,08	0,03
Cx56	1,08	0,03
Cx57	1,08	0,03
Cx58	1,08	0,03
Cx59	1,08	0,03
Cx60	1,08	0,03
Cx61	1,08	0,03
Cx62	1,08	0,03
Cx63	1,08	0,03
Cx64	1,08	0,03
Cx65	1,08	0,03
Cx66	1,08	0,03
Cx67	1,08	0,03
Cx68	1,08	0,03
Cx69	1,08	0,03
Cx70	1,08	0,03
Cx71	1,08	0,03
Cx72	1,08	0,03
Cx73	1,08	0,03
Cx74	1,08	0,03
Cx75	1,08	0,03
Cx76	1,08	0,03
Cx77	1,08	0,03
Cx78	1,08	0,03
Cx79	1,08	0,03
Cx80	1,08	0,03
Cx81	1,08	0,03
Cx82	1,08	0,03
Cx83	1,08	0,03
Cx84	1,08	0,03
Cx85	1,08	0,03
Cx86	1,08	0,03
Cx87	1,08	0,03
Cx88	1,08	0,03
Cx89	1,08	0,03
Cx90	1,08	0,03
Cx91	1,08	0,03
Cx92	1,08	0,03
Cx93	1,08	0,03
Cx94	1,08	0,03
Cx95	1,08	0,03
Cx96	1,08	0,03
Cx97	1,08	0,03
Cx98	1,08	0,03
Cx99	1,08	0,03
Cx100	1,08	0,03

BẢNG THÔNG KÊ ĐIỆN TÍCH ĐẤT Ơ		
STT	Ơ PHO	DIỆN TÍCH (m ²)
A	ĐẤT ĐÀM TRÒN HUY CHỈNH TRANG Ơ (DINH)	103.82
1	ĐẤT Ơ 1	3.01
2	ĐẤT Ơ 2	11.24
3	ĐẤT Ơ 3	2.27
4	ĐẤT Ơ 4	3.16
5	ĐẤT Ơ 5	8.67
6	ĐẤT Ơ 6	7.65
7	ĐẤT Ơ 7	4.67
8	ĐẤT Ơ 8	7.00
9	ĐẤT Ơ 9	10.67
10	ĐẤT Ơ 10	2.09
11	ĐẤT Ơ 11	7.94
12	ĐẤT Ơ 12	5.98
13	ĐẤT Ơ 13	2.25
14	ĐẤT Ơ 14	3.20
15	ĐẤT Ơ 15	2.84
16	ĐẤT Ơ 16	1.16
17	ĐẤT Ơ 17	2.10
18	ĐẤT Ơ 18	5.69
19	ĐẤT Ơ 19	4.63
20	ĐẤT Ơ 20	4.73
B	ĐẤT Ơ NAM TRÔNG HANG LÃNG SÔNG	43.24
1	ĐẤT Ơ NAM TRÔNG HANG KẾ HỢP XÂY DỰNG MƠ	43.24
2	ĐẤT Ơ 21	9.87
3	ĐẤT Ơ 22	7.94
4	ĐẤT Ơ 23	13.75
5	ĐẤT Ơ 24	10.29
C	ĐẤT DẠM CỤ XÂY DỰNG MƠ	36.04
1	ĐẤT Ơ 25	12.33
2	ĐẤT Ơ 26	6.12
3	ĐẤT Ơ 27	10.15
4	ĐẤT Ơ 28	7.54
D	TRONG CÔNG	127.10

STT	Loại nhà	Diện tích đất (Ha)	Mặt độ xây dựng (%)	Tầng cao nhất	Tầng cao thấp nhất	Hệ số sử dụng đất	Số người
A	TỔNG CỘNG	177,09					24861
ĐẤT DÂN CƯ HIỆN HỮU QUÂN ĐỊNH (TỰ CHỨC TRẠNG)		103,81					15189
1	Phố số 1	3,01	47,59	3	1	0,952	468
2	Phố số 2	11,24	47,59	3	1	0,952	1524
3	Phố số 3	2,27	47,59	3	1	0,952	307
4	Phố số 4	3,16	47,59	3	1	0,952	428
5	Phố số 5	8,67	47,59	3	1	0,952	1175
6	Phố số 6	7,65	47,59	3	1	0,952	1117
7	Phố số 7	4,67	47,59	3	1	0,952	632
8	Phố số 8	7,00	47,59	3	1	0,952	948
9	Phố số 9	7,57	47,59	3	1	0,952	1026
10	Phố số 10	2,09	47,59	3	1	0,952	283
11	Phố số 11	10,64	47,59	3	1	0,952	1441
12	Phố số 12	5,98	47,59	3	1	0,952	811
13	Phố số 13	2,25	47,59	3	1	0,952	305
14	Phố số 14	3,20	47,59	3	1	0,952	434
15	Phố số 15	2,84	47,59	3	1	0,952	385
16	Phố số 16	1,16	47,59	3	1	0,952	157
17	Phố số 17	2,10	47,59	3	1	0,952	285
18	Phố số 18	5,69	47,59	3	1	0,952	771
19	Phố số 19	4,63	47,59	3	1	0,952	628
20	Phố số 20	4,26	47,59	3	1	0,952	578
	Đất ở nằm trong hành lang sông Tiền	3,74	47,59	3	1	0,952	507
ĐẤT DÂN CƯ HIỆN HỮU KẾT HỢP XÂY DỰNG MỚI		43,24					7768
21	Phố số 21	9,87	40,00	4	2	1,2	1711
22	Phố số 22	7,24	40,00	4	2	1,2	1255
23	Phố số 23	15,75	40,00	4	2	1,2	2731
24	Phố số 24	10,39	40,00	4	2	1,2	2092
ĐẤT DÂN CƯ XÂY DỰNG MỚI		30,04					3923
25	Phố số 25	12,23	35,00	3	2	0,875	1537
26	Phố số 26	6,12	35,00	3	2	0,875	799
27	Phố số 27	10,15	35,00	3	2	0,875	1326

-  ĐẤT ĐÀN HỒI HƯNG GIỮ LẠI CHƠI TRẢNG ĐỒ ĐÀN
-  ĐẤT ĐÀN CHƠI TRẢNG KẾT HỢP KAY MÀU
-  ĐẤT ĐÀN CHƠI XÂY DỰNG MÔI
-  TRƯỜNG DAY HỒI
-  TRƯỜNG cấp 1
-  TRƯỜNG cấp 2
-  TRƯỜNG cấp 3
-  MẪU GIÁO
-  TRUNG TÂM VÀO HỒ
-  ĐẤT TỰ
-  KHU NHÀ CHƠI HỒI HƯNG
-  ĐẤT NHÀ CHƠI TRẢNG TRỀM
-  ĐẤT CHƠI QUAN KINH
-  CÂY XANH CỎM VƯỜN - TỰT
-  CÂY XANH CỎCH L
-  ĐẤT TÓN GIÁO
-  BẾN XE
-  TRUNG TÂM Y TẾ
-  CHỢ - TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
-  ĐẤT CÔNG NGHIỆP
-  MẶT HỒI
-  BÀNH ĐẤT XÂY DỰNG ĐỒ ĐÀN NĂM 2015
-  BÀNH TRẢNG VÀO XÃ TÁN TRẢNG

[illegible]